

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4.20~~./XNK-TCKT  
(V/v giải trình lợi nhuận quý 2/2022 giảm so  
với quý 2/2021)

An Giang, ngày 29 tháng 07 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

**1. Đối với BCTC riêng lẻ:**

Trong quý 2 năm 2022, Công ty tiếp tục đẩy mạnh bán hàng xuất khẩu, ký kết các hợp đồng mới và tăng sản lượng tiêu thụ cung ứng xuất khẩu đã làm cho doanh thu trên BCTC riêng quý 2/2022 Angimex tăng 1.154.381 triệu đồng, tương ứng 806,4% so với cùng kỳ, lãi gộp chỉ tăng 39.186 triệu đồng tương đương 580,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng, logistic tăng mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty. Đồng thời, trong quý 2, Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 27,5 tỷ đồng. Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm kết quả kinh doanh quý 2 lỗ.

**2. Đối với BCTC hợp nhất:**

Tương tự báo cáo riêng, khoản trích lập dự phòng là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế lỗ 9,8 tỷ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC Hợp nhất			
	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Chênh lệch	%	Quý 2/2022	Quý 2/2021	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	1.297.530	143.148	1.154.381	806,4	1.361.626	664.664	696.962	104,9
Giá vốn hàng bán	1.251.592	136.396	1.115.196	817,6	1.309.209	617.843	691.366	111,9
Lợi nhuận gộp	45.938	6.752	39.186	580,3	52.417	46.821	5.596	12,0
Doanh thu hoạt động tài chính	22.143	3.885	18.259	470,0	42.404	1.793	40.611	2.264,9
Chi phí tài chính	48.433	2.256	46.177	2.046,9	49.760	5.259	44.501	846,2
<i>Trong đó: lãi vay</i>	<i>10.305</i>	<i>2.238</i>	<i>8.067</i>	<i>360,4</i>	<i>12.973</i>	<i>5.189</i>	<i>7.784</i>	<i>150,0</i>
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK					3.104	664	2.440	367,5
Chi phí bán hàng	42.678	638	42.040	6.588,6	53.477	24.063	29.414	122,2
Chi phí quản lý DN	5.495	4.362	1.133	26,0	6.626	7.223	(597)	(8,3)
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(28.524)	3.381	(31.905)	(943,6)	(11.938)	12.733	(24.671)	(193,8)
Lợi nhuận khác	(168)	248	(416)	(168,0)	45	619	(575)	(92,8)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.693)	3.629	(32.321)	(890,7)	(11.893)	13.353	(25.245)	(189,1)
Thuế TNDN	(777)	586	(1.364)	(232,6)	-2.075	1.992	(4.068)	(204,2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(27.915)	3.042	(30.958)	(1.017,6)	(9.818)	11.360	(21.178)	(186,4)

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THANH TÙNG